TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/2021/QĐST-HNGĐ

Bá Thước, ngày 05 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 13/2021/TLST/ HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa :

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T ; Sinh năm: 1992

Nơi cư trú: Thôn CL, xã ĐL, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Chị Hà Thị T ; Sinh năm: 2000

Nơi cư trú: Thôn L , xã ĐT, huyện BT tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Phạm Văn T và chị Hà Thị T .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Phạm Văn T và chị Hà Thị T tự nguyện thỏa thuận khi ly hôn anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Thị H T , sinh ngày 17/9/202019 cho đến khi thành niên, chị Hà Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Hà Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

-Về tài sản riêng: Anh Phạm Văn T và chị Hà Thị T tự nguyện thỏa thuận đề nghị Tòa án công nhận anh Phạm Văn T đã giao cho chị Hà Thị T 08 (tám) chỉ vàng 9999 là tài sản riêng của chị T (chị T đã nhận đủ).

Tài sản chung: Anh Phạm Văn T và chị Hà Thị T khai thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Anh Phạm Văn T và chị Hà Thị T khai thống nhất không có nợ chung.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; Khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Phạm Văn Tài và chị Hà Thị Thượng tự nguyện thỏa thuận: Anh Phạm Văn Tài chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn). Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm anh Tài đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả lại cho anh Phạm Văn Tài 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) theo biên lai thu số: AA/2019/0007492 ngày 20/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND;
- Chi cục THA;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn
- Lưu Hs.

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên